## SINH HỌC 9

## TUẦN 21

**Bài 35:ƯU THẾ LAI**

**A. HƯỚNG DẪN HỌC TẬP**

**Trả lời câu hỏi Sinh 9 Bài 35 trang 103:** Hãy trả lời các câu hỏi sau:

- Tại sao khi lai 2 dòng thuần, ưu thế lai biểu hiện rõ nhất?

- Tại sao ưu thế lai biểu hiện rõ nhất ở thế hệ F1, sau đó giảm dần qua các thế hệ?

**Trả lời:**

- Khi lai 2 dòng thuần, ưu thế lai biểu hiện rõ nhất vì hầu hết các cặp gen ở trạng thái dị hợp.

- Ưu thế lai biểu hiện rõ nhất ở thế hệ F1, sau đó giảm dần qua các thế hệ vì tạo ra các cặp gen đồng hợp, các cặp gen dị hợp giảm đi.

**B.NỘI DUNG BÀI HỌC**

**1: Hiện tượng ưu thế lai**

- Ưu thế lai là hiện tượng cơ thể lai F1 có ưu thế hơn hẳn so với bố mẹ: có sức sống cao hơn, sinh trưởng nhanh, phát triển mạnh, chống chịu tốt, năng suất cao hơn.

**2: Nguyên nhân của hiện tượng ưu thế lai**

+ Ưu thế lai rõ vì xuất hiện nhiều gen trội có lợi ở con lai F1.

+ Các thế hệ sau ưu thế lai giảm dần vì tỉ lệ dị hợp giảm.

**3: Các phương pháp tạo ưu thế lai**

**a. Phương pháp tạo ưu thế lai ở cây trồng:**

- Lai khác dòng: tạo 2 dòng tự thụ phấn rồi cho giao phấn với nhau.

VD: ở ngô lai (F1) có năng suất cao hơn từ 25 – 30 % so giống ngô tốt.

- Lai khác thứ: lai giữa 2 thứ hoặc tổng hợp nhiều thứ của 1 loài.

VD: Lúa DT17 tạo ra từ tổ hợp lai giữa giống lúa DT10với OM80 năng suất cao (DT10 và chất lượng cao (OM80).

**b. Phương pháp tạo ưu thế lai ở vật nuôi:**

- Lai kinh tế: cho giao phối giữa cặp vật nuôi bố mẹ thuộc 2 dòng thuần khác nhau rồi dùng con lai F1 làm sản phẩm.

VD: Lợn ỉ Móng Cái x Lợn Đại Bạch ⭢ Lợn con mới đẻ nặng 0,7 – 0,8 kg tăng trọng nhanh, tỉ lệ nạc cao.

+ Nếu nhân giống thì sang thế hệ sau các gen lặn gây hại ở trạng thái đồng hợp sẽ biểu hiện tính trạng.

**C. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Học sinh hiểu và trình bày được khái niệm ưu thế lai, cơ sở di truyền của hiện tượng ưu thế lai, lí do không dùng con lai F1 để nhân giống, các biện pháp duy trì ưu thế lai.

- N*êu được* các phương pháp thường dùng để tạo ưu thế lai.

+ Học sinh *nêu được* phương pháp cơ bản trong chọn giống cây trồng.

+ Hiểu và trình bày được khái niệm lai kinh tế và phương pháp thường dùng để tạo con lai kinh tế ở nước ta.

## Bài 38: THỰCHÀNH : TẬPDƯỢTTHAOTÁCGIAOPHẤN

**A. HƯỚNG DẪN HỌC TẬP**

**SGK**

**B.NỘI DUNG BÀI HỌC**

*1: Tìm hiểu các thao tác giao phấn*

*Bước 1*: Chọn cây mẹ, chỉ giữ lại bông và hoa chưa vì, không bị dị hình, không quá non hay già, các hoa khác cắt bỏ.

*Bước 2*: Khử đực ở cây hoa mẹ

+ Cắt chéo vỏ trấu ở phía đầu bông để lộ rõ nhị.

+ Dùng kẹp gắp 6 nhị và cả bao phấn ra ngoài.

+ Dùng bao nylông bao bông lúa lại, ghi rõ ngày tháng.

- Bước 3: Thụ phấn

+ Mở bao nylông ở cây lúa đã khử nhị ra .

+ Nhẹ tay nâng bông lúa chưa cắt nhị và lắc nhẹ lên bông lúa đã khử nhị.

+ Dùng bao nylông bao bông lúa lại, ghi rõ ngày tháng.

**C. BÀI TẬP**

- Sưu tầm tranh ảnh về giống bò, lợn, gà, vịt, cà chua, lúa, ngô có năng suất nổi tiếng ở Việt Nam và thế giới.

**D. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Tuần 22**

**Bài 39: THỰCHÀNH: TÌMHIỂUTHÀNHTỰUCHỌN GIỐNG**

**VẬT NUÔI VÀ CÂY TRỒNG**

**A. HƯỚNG DẪN HỌC TẬP**

**SGK**

**B.NỘI DUNG BÀI HỌC**

*1: Tìm hiểu thành tựu giống vật nuôi và cây trồng*

*2: Báo cáo thu hoạch*

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS báo cáo kết quả.  - Lớp nhận xét  - GV bổ sung kiến thức vào bảng 39.1 và 39.2. | HS báo cáo kết quả. |

*Bảng 39.1–Các tính trạng nổi bật và hướng dẫn sử dụng của một số vật nuôi*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên giống | Hướng sử dụng | Tính trạng nổi bật |
| 1 | Giống bò:  - Bò sữa Hà Lan  - Bò Sind | - Lấy sữa | - Có khả năng chịu nóng.  - Cho nhiều sữa, tỉ lệ bơ cao. |
| 2 | Các giống lợn  - Lợn ỉ Móng Cái  - Lợn Bơcsai | - Lấy con giống  - Lấy thịt | - Phát dục sớm, đẻ nhiều con.  - Nhiều nạc, tăng trọng nhanh. |
| 3 | Các giống ga  - Gà Rễtri  - Gà Tam Hoàng | Lấy thịt và trứng | - Tăng trong nhanh, đẻ nhiều trứng. |
| 4 | Các giống vịt  - Vịt cỏ, vịt bầu  - Vịt kali cambet | Lấy thịt và trứng | Dụ thích nghi, tăng trọng nhanh, đẻ nhiều trứng. |
| 5 | Các giống cá  - Rễ phi đơn tính  - Chép lai  - Cá chim trắng | Lấy thịt | Dụ thích nghi, tăng trọng nhanh. |

*Bảng 39.2 – Tính trạng nổi bật của giống cây trồng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên giống | Tính trạng nổi bật |
| 1 | Giống lúa:  - CR 203  - CM 2  - BIR 352 | - Ngắn ngày, năng suất cao  - Chống chịu đựoc rầy nâu.  - Không cảm quang |
| 2 | Giống ngô  - Ngô lai LNV 4  - Ngô lai LVN 20 | - Khả năng thích ứng rộng  - Chống đổ tốt  - Năng suất từ 8- 12 tấn/ha |
| 3 | Giống cà chua:  - Cà chua Hồng Lan  - Cà chua P 375 | - Thích hợp với vùng thâm canh  - Năng suất cao |

**C. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

+ Các thành tựu nổi bật trong chọn giống cây trồng và vật nuôi.

+ Học sinh biết cách sưu tầm tư liệu và trưng bày tư liệu theo chủ đề.

+ Học sinh biết cách phân tích, so sánh và báo cáo những điều rút ra từ tư liệu.